

CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ VỆ SINH THÔNG MINH TOÀN QUỐC
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ VỆ SINH THÔNG MINH TOÀN QUỐC

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: NATIONWIDE SMART SANITARY WARE COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: THIẾT BỊ VỆ SINH THÔNG MINH TOÀN QUỐC

2. Mã số doanh nghiệp: 0110633460

3. Ngày thành lập: 28/02/2024

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà 500 đường Nguyễn Khoái, Tổ 1, Phường Thanh Trì, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0963005711

Fax:

Email: thietbivesinhthoanquoc.com@gmail.com Website: thietbivesinhthoanquoc.com
[ail.com](http://thietbivesinhthoanquoc.com)

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
2.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
3.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
4.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
5.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
6.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
7.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
8.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh	4663
9.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn chuyên doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu bao gồm giấy ngành may, túi nhựa PE, túi nhựa PP, túi opp, túi bóng đựng hàng HD,...	4669
10.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (Trừ hợp báo)	8230
11.	Dịch vụ đóng gói	8292
12.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu (trừ dịch vụ lấy lại tài sản, hoạt động đấu giá độc lập)	8299
13.	Hoạt động nhiếp ảnh (trừ hoạt động của phóng viên ảnh)	7420
14.	Bán buôn tổng hợp	4690

15.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
16.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
17.	Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ	4782
18.	Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ	4784
19.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ (trừ bán lẻ vàng miếng, vàng nguyên liệu và trừ hoạt động của đầu giá viên)	4789
20.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (trừ đầu giá bán lẻ qua internet)	4791
21.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu (trừ đầu giá ngoài cửa hàng)	4799
22.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt) Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi ; Vận tải hành khách bằng mô tô, xe máy và xe có động cơ khác; Vận tải hành khách đường bộ loại khác trong nội thành, ngoại thành (trừ xe buýt)	4931
23.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định; Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng; Kinh doanh vận tải khách du lịch bằng xe ô tô	4932
24.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô	4933
25.	Vận tải hành khách ven biển và viễn dương Chi tiết: Kinh doanh vận tải biển	5011
26.	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương (Trừ hóa lỏng khí để vận chuyển)	5012
27.	Vận tải hành khách đường thủy nội địa Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định bằng đường thủy nội địa	5021
28.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa (Trừ hóa lỏng khí để vận chuyển)	5022
29.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
30.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy (Trừ hoạt động hoa tiêu)	5222
31.	Bốc xếp hàng hóa	5224
32.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ (Trừ hóa lỏng khí để vận chuyển)	5225
33.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: Dịch vụ đại lý, giao nhận vận chuyển; Logistics; Dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải chưa được phân vào đâu (trừ các hoạt động hỗ trợ liên quan đến đường hàng không và hoạt động hoa tiêu)	5229

34.	Chuyển phát	5320
35.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: Khách sạn; Biệt thự hoặc căn hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Nhà trọ, phòng trọ và các cơ sở lưu trú ngắn ngày tương tự	5510
36.	Cơ sở lưu trú khác	5590
37.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường);	5610
38.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thương xuyên với khách hàng	5621
39.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
40.	Dịch vụ phục vụ đồ uống (Trừ quán bar, quán giải khát có khiêu vũ)	5630
41.	Đại lý du lịch	7911
42.	Điều hành tua du lịch Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa; Kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế	7912
43.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
44.	Xây dựng nhà để ở	4101
45.	Xây dựng nhà không để ở	4102
46.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
47.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
48.	Xây dựng công trình điện	4221
49.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
50.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
51.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
52.	Xây dựng công trình thủy	4291
53.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
54.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
55.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
56.	Phá dỡ (trừ hoạt động nổ mìn)	4311
57.	Chuẩn bị mặt bằng (trừ hoạt động nổ mìn)	4312
58.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
59.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ gạch ốp lát, thiết bị vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4752(Chính)

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội